

Đại Bồ-tát đối với các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến tự tánh của các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với địa giới không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với thủy, hỏa, phong, không, thức giới không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của địa giới cho đến tự tánh của thức giới đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với Nhân duyên không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của Nhân duyên cho đến tự tánh của Tăng thượng duyên đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với vô minh không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của vô minh cho đến tự tánh của lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bố thí Ba-la-mật-đa không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với tịnh giới, an nhãn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bố thí Ba-la-mật-đa cho đến tự tánh của Bát-nhã Ba-la-mật-đa đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với pháp không nội không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không nội cho đến tự tánh của pháp không không tánh tự tánh đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bốn niệm trụ không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo không

hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bốn niệm trụ cho đến tự tánh của tám chi thánh đạo đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với pháp môn giải thoát không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp môn giải thoát không cho đến tự tánh của pháp môn giải thoát vô nguyện đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với Thánh đế khổ không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với Thánh đế tập, diệt, đạo không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của Thánh đế khổ cho đến tự tánh của Thánh đế đạo đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bốn tịnh lự không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với bốn vô lượng, bốn định vô sắc không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bốn tịnh lự cho đến tự tánh của bốn định vô sắc đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với tám giải thoát không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của tám giải thoát cho đến tự tánh của mười biến xứ đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp môn Tam-ma-địa không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với tất cả pháp môn Đà-la-ni không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp môn Tam-ma-địa, tự tánh của tất cả pháp môn Đà-la-ni đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với bậc Cực hỷ không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của bậc Cực hỷ cho đến tự tánh của bậc Pháp vân đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với năm loại mắt không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với sáu phép thần thông không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của năm loại mắt, tự tánh của sáu phép thần thông đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với mười lực Phật không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của mười lực Phật cho đến tự tánh của mười tám pháp Phật bất cộng đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với pháp không quên mất không hành, không đắc, không nói, không chỉ;

đối với tánh luôn luôn xả không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của pháp không quên mất, tự tánh của tánh luôn luôn xả đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với trí nhất thiết không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của trí nhất thiết cho đến tự tánh của trí nhất thiết tướng đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với quả Dự lưu không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của quả Dự lưu cho đến tự tánh của quả vị Độc giác đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ. Đại Bồ-tát đối với tất cả hạnh Đại Bồ-tát không hành, không đắc, không nói, không chỉ; đối với quả vị giác ngộ cao tột của chư Phật không hành, không đắc, không nói, không chỉ. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả hạnh Đại Bồ-tát, tự tánh của quả vị giác ngộ cao tột của chư Phật đều chẳng thể hành, đắc, nói, chỉ.

Đại Bồ-tát lấy sự không hành, không đắc, không nói, không chỉ như thế làm vô sở đắc, chính cái vô sở đắc ấy gọi là ly sanh.

Này Thiện Hiện! Đó gọi là sanh và ly sanh của Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát chứng nhập bậc Chánh tánh ly sanh rồi, viên mãn tất cả tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí. Đại Bồ-tát ấy còn chẳng theo thế lực của định mà sanh, hướng là theo thế lực phiền não như tham v.v... Đại Bồ-tát ấy nếu an trụ trong đây mà tạo tác các nghiệp và do thế lực của nghiệp sanh bốn tịnh lự, lưu chuyển trong các thú là điều không có. Đại Bồ-tát ấy tuy an trụ trong các nhóm hành như huyễn, làm các điều lợi ích như thật cho các hữu tình, nhưng chẳng đắc huyễn và các hữu tình. Đại Bồ-tát ấy khi đối với các việc vô sở đắc như thế, thành thực hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, mau chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân màu nhiệm, độ vô lượng chúng sanh.

Này Thiện Hiện! như thế, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có thể mau viên mãn tịnh lự Ba-la-mật-đa vô tướng; do tịnh lự Ba-la-mật-đa mau viên mãn này, nên chóng chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân màu nhiệm, độ vô lượng chúng sanh; pháp luân như thế gọi là vô sở đắc, cũng gọi là không, vô tướng, vô nguyện, có khả năng làm lợi ích vô cùng cho các hữu tình.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, an trụ trong năm thủ uẩn như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như trò huyễn, như ảo thành, như việc biến hóa, viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát ấy như

thật rõ biết tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như trò huyền, như ảo thành, như sự biến hóa rồi, có thể viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa vô tướng.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát như thật rõ biết tất cả pháp đều như mộng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như bóng sáng, như bóng nắng, như trò huyền, như ảo thành, như sự biến hóa?

Phật dạy:

- Nay Thiện Hiện! Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chẳng thấy mộng, chẳng thấy người thấy mộng, chẳng nghe tiếng vang, chẳng thấy người nghe tiếng vang, chẳng thấy ảnh tượng, chẳng thấy người thấy ảnh tượng, chẳng thấy bóng sáng, chẳng thấy người thấy bóng sáng, chẳng thấy bóng nắng, chẳng thấy người thấy bóng nắng, chẳng thấy trò huyền, chẳng thấy người thấy trò huyền, chẳng thấy ảo thành, chẳng thấy người thấy ảo thành, chẳng thấy việc biến hóa, chẳng thấy người thấy việc biến hóa. Vì sao? Vì mộng và người thấy mộng, tiếng vang và người nghe tiếng vang, ảnh tượng và người thấy ảnh tượng, bóng sáng và người thấy bóng sáng, bóng nắng và người thấy bóng nắng, trò huyền và người thấy trò huyền, ảo thành và người thấy ảo thành, việc biến hóa và người thấy việc biến hóa đều là sự chấp trước điên đảo của phàm phu ngu si. Các bậc A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều chẳng thấy mộng, cũng chẳng thấy người thấy mộng, đều chẳng nghe tiếng vang, cũng chẳng thấy người nghe tiếng vang, đều chẳng thấy ảnh tượng, cũng chẳng thấy người thấy ảnh tượng, đều chẳng thấy bóng sáng, cũng chẳng thấy người thấy bóng sáng, đều chẳng thấy bóng nắng, cũng chẳng thấy người thấy bóng nắng, đều chẳng thấy trò huyền, cũng chẳng thấy người thấy trò huyền, đều chẳng thấy ảo thành, cũng chẳng thấy người thấy ảo thành, đều chẳng thấy việc biến hóa, cũng chẳng thấy người thấy việc biến hóa. Vì sao? Vì tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, chẳng phải thành, chẳng phải thật, vô tướng, vô vi, chẳng phải thật có tánh và Niết-bàn ... Nếu tất cả pháp đều lấy vô tánh làm tự tánh, chẳng phải thành, chẳng phải thật, vô tướng, vô vi, chẳng phải thật có tánh và Niết-bàn v.v... thì tại sao Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp khởi tướng có tánh, tướng thành, tướng thật, có tướng, có tác, tướng thật có tánh, chẳng phải tướng tịch diệt? Nếu khởi các tướng ấy thì đó là điều không có. Vì sao? Vì nếu tất cả pháp có một chút tự tánh, có thành, có thật, có tướng, có vi, có thật tánh, chẳng phải tịch diệt, mà có thể nắm bắt

được thì đối tượng tu hành là Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, lẽ ra chẳng phải là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Như thế, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa sâu xa, chẳng chấp trước sắc, chẳng chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; chẳng chấp trước nhãn xúc, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; chẳng chấp trước sắc xúc, chẳng chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp xúc; chẳng chấp trước nhãn giới, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; chẳng chấp trước sắc giới, chẳng chấp trước thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; chẳng chấp trước nhãn thức giới, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; chẳng chấp trước nhãn xúc, chẳng chấp trước nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; chẳng chấp trước các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, chẳng chấp trước các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra; chẳng chấp trước địa giới, chẳng chấp trước thủy, hỏa, phong, không, thức giới; chẳng chấp trước nhân duyên, chẳng chấp trước đấng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; chẳng chấp trước các pháp do duyên sanh ra; chẳng chấp trước vô minh, chẳng chấp trước hành, thức, danh sắc, lục xúc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, ưu não; chẳng chấp trước Dục giới, chẳng chấp trước Sắc, Vô sắc giới; chẳng chấp trước bốn tịnh lự, chẳng chấp trước bốn vô lượng, bốn định vô sắc; chẳng chấp trước bốn niệm trụ, chẳng chấp trước bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đấng giác, tám chi thánh đạo; chẳng chấp trước pháp môn giải thoát không, chẳng chấp trước pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; chẳng chấp trước Thánh đế khổ, chẳng chấp trước Thánh đế tập, diệt, đạo; chẳng chấp trước bố thí Ba-la-mật-đa, chẳng chấp trước tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa; chẳng chấp trước pháp không nội, chẳng chấp trước pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đôi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; chẳng chấp trước chơn như, chẳng chấp trước pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đôi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; chẳng chấp trước tám giải thoát, chẳng chấp trước tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biên xứ; chẳng chấp trước tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng chấp trước tất cả pháp môn Đà-la-ni; chẳng chấp trước bậc Cực

hỷ, chẳng chấp trước bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; chẳng chấp trước năm loại mắt, chẳng chấp trước sáu phép thần thông; chẳng chấp trước mười lực Phật, chẳng chấp trước bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng chấp trước pháp không quên mất, chẳng chấp trước tánh luôn luôn xả; chẳng chấp trước trí nhất thiết, chẳng chấp trước trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng; chẳng chấp trước quả Dự lưu, chẳng chấp trước quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác; chẳng chấp trước tất cả hạnh Đại Bồ-tát, chẳng chấp trước quả vị giác ngộ cao tột của chư Phật. Đại Bồ-tát ấy khi tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa do chẳng chấp trước nên có thể viên mãn sơ địa mà ở trong ấy chẳng sanh tham trước. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng đắc sơ địa thì làm sao ở trong ấy khởi tham trước. Do chẳng tham trước nên có thể viên mãn đệ nhị, đệ tam, đệ tứ, đệ ngũ, đệ lục, đệ thất, đệ bát, đệ cửu, đệ thập địa, nhưng ở trong đó chẳng sanh tham trước. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy chẳng đắc đệ nhị cho đến đệ thập địa thì làm sao ở trong đó khởi tham trước. Đại Bồ-tát ấy tuy tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa nhưng chẳng đắc Bát-nhã Ba-la-mật-đa; do chẳng đắc Bát-nhã Ba-la-mật-đa nên cũng chẳng đắc tất cả pháp; tuy quán Bát-nhã Ba-la-mật-đa nhiếp thọ tất cả pháp, nhưng đối với pháp ấy hoàn toàn không sở đắc. Vì sao? Vì các pháp như thế cùng với Bát-nhã Ba-la-mật-đa này không hai, không khác. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp chẳng thể phân biệt, nói là chơn như, nói là pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, vì pháp nghĩa không xen tạp, không sai biệt vậy.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh của tất cả pháp đều không xen tạp, không sai biệt thì tại sao có thể nói là thiện, là chẳng phải thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, đủ vô lượng pháp môn như thế?

Phật dạy:

- Nay Thiện Hiện! Theo ý ông thì sao? Trong thật tánh của tất cả pháp, có pháp nào có thể nói là thiện là phi thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi, như thế, cho đến là quả Dự lưu, là quả Nhất lai, là quả Bất hoàn, là quả A-la-hán, là quả vị Độc giác, là các hạnh Đại Bồ-tát, là quả vị giác ngộ cao tột của chư Phật chẳng?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bạch Thiện Thệ! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này nên biết, tất cả pháp không xen tạp, không sai biệt, không tướng, không sanh, không diệt, không ngại, không nói, không chỉ. Thiện Hiện nên biết, ta khi xưa tu hành đạo Bồ-tát, đối với tự tánh của pháp, hoàn toàn không có sở đắc, đó là hoặc sắc, hoặc thọ, tướng, hành, thức; hoặc nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; hoặc sắc xúc, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp xúc; hoặc nhãn giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới; hoặc sắc giới, hoặc thanh, hương, vị, xúc, pháp giới; hoặc nhãn thức giới, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới; hoặc nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, hoặc các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra; hoặc địa giới, hoặc thủy, hỏa, phong, không, thức giới; hoặc nhân duyên, hoặc đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên; hoặc pháp do duyên sanh ra; hoặc vô minh, hoặc hành, thức, danh sắc, lục xúc, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, ưu não; hoặc Dục giới, hoặc Sắc, Vô sắc giới; hoặc thiện, hoặc phi thiện, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, như thế cho đến, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác, hoặc các hạnh Đại Bồ-tát, hoặc quả vị giác ngộ cao tột của chư Phật. Đối với tự tánh của các pháp như thế, đều không có sở đắc.

Này Thiện Hiện! Như thế, Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề nhiệm màu, sắp chứng quả vị giác ngộ cao tột, thường nên khéo biết tự tánh các pháp. Nếu thường khéo biết tự tánh các pháp thì có khả năng khéo thanh tịnh đạo đại Bồ-đề, cũng có khả năng viên mãn các hạnh Bồ-tát, thành thực hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, an trụ pháp ấy, mau chứng quả vị giác ngộ cao tột, chuyển pháp luân màu nhiệm, dùng pháp ba thừa, phương tiện điều phục các loại hữu tình, khiến mau được giải thoát ba cõi.

Này Thiện Hiện! Như thế, Đại Bồ-tát lấy vô sở đắc là phương tiện, nên học Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có khả năng mau viên mãn tất cả Phật pháp.